

Bản án số: 243/2018/HS-PT
Ngày: 15-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Lê
2. Ông Trương Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2018/HSPT ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HSST ngày 20-3-2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Hồng A (tên gọi khác: T); giới tính: nữ; sinh năm 1971 tại tỉnh Trà Vinh; trú tại: xã A1, huyện A2, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: đường A3, phường X1, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn B (chết) và con bà Dương Thị C; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Thị D (tên gọi khác: D1); giới tính: nữ; sinh năm 1995 tại tỉnh Hậu Giang; trú tại: xã D2, thị xã D3, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: thị trấn D4, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; con

ông Phạm Văn E và con bà Phạm Thị G1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Phạm Văn G, giới tính: nam; sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Tháp; trú tại: xã G2, huyện G3, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: phường G4, Quận G5, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 4/12; con ông Phạm Văn H và con bà Nguyễn Thị Y; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Mai Thị K, giới tính: nữ; sinh năm 1964 tại tỉnh An Giang; trú tại: xã K1, huyện K2, tỉnh An Giang; chỗ ở: đường K3, phường Quận K4, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; con ông Mai Văn L (chết) và con bà Nguyễn Thị N (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Trần Thị Kim M, giới tính: nữ; sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk; trú tại: xã M1, huyện M2, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: đường M3, phường M4, Quận M5, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Trần Quốc O và con bà Trần Thị P; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Lê Thị Ngọc Q, giới tính: nữ; sinh năm 1995 tại tỉnh Hậu Giang; trú tại: thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: đường Q3, phường Q4, Quận Q5, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Văn S và con bà Phạm Thị Thúy R; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Huỳnh Kim T, giới tính: nam; sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Long; trú tại: xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: đường T3, phường T4, Quận T5,

Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; con ông Huỳnh Văn U và bà Lê Thị V; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 người con (sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8. Phạm Minh Y, giới tính: nam; sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; trú tại: xã Y1, huyện Y2, tỉnh An Giang; chỗ ở: đường Y3, phường Y4, Quận Y5, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 6/12; con ông Phạm Văn Y6 và bà Nguyễn Thị X; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp “Tạm giam” sang biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa:*

Luật sư V, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng Luật sư V1 bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim M (Luật sư V có mặt tại phiên tòa).

- *Ngoài ra còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:* Trần Hoài S, Nguyễn Phước A, Trương Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 01/3/2017, tại địa chỉ nhà số 50 đường A3, khu phố 1, phường X1, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh (do Trần Thị Hồng A thuê để sinh sống và kinh doanh phòng trọ) có Trần Hoài S, Phạm Thị D, Phạm Văn G, Mai Thị K, Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q, Nguyễn Phước Y1, Trương Thị X, Huỳnh Kim T, Phạm Minh Y và Trần Thị Hồng A chơi bài binh Ấn Độ ăn thua bằng tiền (Trần Hoài S là nhà cái). Cách thức chơi là sử dụng bộ bài tây 52 lá bài, nhà cái chia mỗi tụ 06 lá bài, mỗi tụ phân làm 02 chi bài tính thắng thua, nếu cả 02 chi thắng thì ăn nhà cái, còn 01 chi thắng 01 chi thua thì hòa với nhà cái, còn 02 chia thua thì nhà cái thắng, mỗi tụ đặt cược từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng/ván. A quy định nhà cái thắng liên tiếp 02 đến 03 ván thì sẽ xâu cho A từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và tụ nào thắng liên tiếp 02 đến 03 ván sẽ xâu cho A 50.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày (ngày 01/3/2017), khi các đối tượng nêu trên đang đánh bạc thì bị Công an phường Tân Phong bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền dùng để đánh bạc là 29.850.000 đồng.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 20-3-2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng A phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”; các bị cáo Phạm Thị D, Phạm Văn G, Mai Thị K, Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hồng A 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Hồng A 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Trần Thị Hồng A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn G 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Mai Thị K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Kim T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh Y 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Phạt bị cáo Trần Thị Hồng A nộp số tiền 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Phạt các bị cáo Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q, Mai Thị K, Phạm Thị D, Phạm Văn G, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y mỗi bị cáo nộp 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Buộc bị cáo Trần Thị Hồng A nộp số tiền thu lợi bất chính là 3.400.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bị cáo Trần Hoài S 09 tháng tù và nộp 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước, bị cáo Nguyễn Phước A và bị cáo Trương Thị X cùng mức án 06 tháng tù cùng về tội “Đánh bạc” và mỗi bị cáo nộp 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước, đồng thời tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/3/2018 Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 29/3/2018 các bị cáo Trần Thị A, Lê Thị Ngọc Q, Mai Thị K, Phạm Thị D, Phạm Văn G, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Thị Kim M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Ngọc giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, các bị cáo còn lại bao gồm: A, Q, K, D, G, T và Y đều xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung xin hưởng án treo. Và tất các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi của các bị cáo theo nội dung của bản án sơ thẩm, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và mức án đã tuyên phạt các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim M đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo M và Luật sư cho rằng mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo M là quá nặng vì bị cáo M đánh bạc với số tiền nhỏ, bị cáo không có thu lợi bất chính, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt, không có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và bản thân bị cáo là người không biết chữ, phải làm công việc là buôn bán tại các công trình xây dựng để nuôi

sống bản thân và gia đình. Từ đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo M và cho bị cáo M được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 01/3/2017, Trần Thị Hồng A đã sử dụng nhà số 50 đường A3, khu phố 1, phường X1, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh (do A thuê sinh sống và kinh doanh phòng trọ) để chứa chấp cho Trần Hoài S, Phạm Thị D, Phạm Văn G, Mai Thị K, Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q Nguyễn Phước Y1, Trương Thị X, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y chơi bài bình Ấn Độ ăn thua bằng tiền (trong đó Trần Hoài S là nhà cái) và nếu nhà cái thắng liên tiếp 02 đến 03 ván thì sẽ xâu cho A từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và tự nào thắng liên tiếp 02 đến 03 ván sẽ xâu cho Sang 50.000 đồng. Ngoài ra, Trần Thị Hồng A còn trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với các đối tượng nêu trên. Công an đã bắt quả tang và thu giữ tổng số tiền dùng để đánh bạc là 29.850.000 đồng.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị Hồng A về tội “Gá bạc” và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 248 và xét xử các bị cáo Phạm Thị D, Phạm Văn G, Mai Thị K, Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 20/3/2018, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 29/3/2018 các bị cáo Trần Thị Hồng A, Phạm Thị D, Trần Thị Kim M, Phạm Văn G, Mai Thị K, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y làm đơn kháng cáo là trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Trần Thị A đã có hành vi dùng địa điểm do mình quản lý để chứa chấp cho 10 bị cáo khác bao gồm: Trần Hoài S, Phạm Thị D, Phạm Văn G, Mai Thị K, Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q, Nguyễn Phước Y1, Trương Thị X, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền và thu tiền xâu, đồng thời bản thân bị cáo Sang cũng trực tiếp tham gia đánh bạc ăn tiền cùng với các bị cáo. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, an toàn xã hội nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và các tình tiết giảm nhẹ này Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Thị Hồng A đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung là 5.000.000 đồng

và tiền thu lợi bất chính là 3.400.000 đồng (theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm). Đối với bị cáo Trần Thị Kim M thì nộp bổ sung giấy xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi cha mẹ già bị bệnh (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M1, huyện M2, tỉnh Đắk Lắk), bản thân bị cáo M là người không biết chữ. Đối với bị cáo Phạm Thị D và bị cáo Mai Thị K, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo này không bổ sung tình tiết nào mới để xem xét cho hai bị cáo nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo K đã lớn tuổi (sinh năm 1964), bản thân bị bệnh cao huyết áp và bị cáo D thì không biết chữ. Do đó cần áp dụng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo A, M, K và D.

Đối với các bị cáo còn lại là Phạm Văn G, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y thì tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không bổ sung tình tiết nào mới để xem xét thêm cho yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với mỗi bị cáo là tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Hồng A, Trần Thị Kim M, Phạm Thị D và Mai Thị K; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn G, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T, Phạm Minh Y và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị các bị cáo M, D, K và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A đối với tội “Đánh bạc”.

[5] Để thuận lợi cho công tác thi hành án, cần căn trừ số tiền 8.400.000 đồng (theo Biên lai số AA/2017/0044831 ngày 14/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) vào số tiền xử phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo A.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một phần lời trình bày của Luật sư tại phiên tòa và của các bị cáo A, M, D và K.

[7] Ngày 01/3/2017 các bị cáo vi phạm pháp luật hình sự nên cần áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử đối với các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Hồng A, Trần Thị Kim M, Phạm Thị D, Mai Thị K; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn G, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T, Phạm Minh Y và sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng A phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”; các bị cáo Phạm Thị D, Phạm Văn G, Mai Thị K, Trần Thị Kim M, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; khoản 1 Điều 249; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Trần Thị Hồng A** (tên gọi khác: Tâm) 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc” và 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Trần Thị Hồng A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Trần Thị Hồng A phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được căn trừ vào số tiền 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã nộp theo Biên lai số: AA/2017/0044831 ngày 14/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Trần Thị Kim M** 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Trần Thị Kim M phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Phạm Thị D** (tên gọi khác: Cảnh) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Phạm Thị D phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Mai Thị K 03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Mai Thị K phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Phạm Văn G 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Phạm Văn G phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Lê Thị Ngọc Q 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Lê Thị Ngọc Q phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Huỳnh Kim T 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Huỳnh Kim T, phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Phạm Minh Y 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 01/3/2017 đến ngày 11/3/2017.

Xử phạt bổ sung: Buộc Phạm Minh Y phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

9. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Buộc bị cáo Trần Thị Hồng A nộp số tiền thu lợi bất chính là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được căn trừ vào số tiền 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng) mà bị cáo đã

nộp theo Biên lai số AA/2017/0044831 ngày 14/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Trần Thị Hồng A, Trần Thị Kim M, Phạm Thị D và Mai Thị K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Phạm Văn G, Lê Thị Ngọc Q, Huỳnh Kim T và Phạm Minh Y mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- P.PC 53 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (8)
- Trại giam; (8)
- Thi hành án Quận 7; (2)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (8)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, Hồ sơ (41). (4)

Ngô Ngọc Thắng